

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế cuối HKII (năm học 2018 – 2019)

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1468	343	304	256	254	310
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỉ lệ so với tổng số)	1468	343	304	256	254	310
III	Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh cuối HKI:	1465	342	304	256	254	309
1	Các môn học và HĐ giáo dục						
a	Tiếng Việt						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	60.1%	77.5%	74.7%	50.8%	50.0%	42.7%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	39.9%	22.5%	25.3%	49.2%	50.0%	57.3%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
b	Toán						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	71.1%	76.9%	86.5%	55.9%	66.1%	66.0%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS))	28.9%	23.1%	13.5%	44.1%	33.9%	34.0%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
c	Đạo đức						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	80.2%	82.2%	92.1%	66.0%	87.0%	72.5%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	19.8%	17.8%	7.9%	34.0%	13.0%	27.5%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
d	Tự nhiên và xã hội						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	74.2%	76.6%	80.6%	63.3%		
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	25.8%	23.4%	19.4%	36.7%		
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%		
e	Khoa học						
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	72.8%				71.3%	74.1%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	27.2%				28.7%	25.9%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%				0.0%	0.0%
g	Lịch sử và Địa lí						
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	81.2%				77.2%	84.5%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	18.8%				22.8%	15.5%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%				0.0%	0.0%
h	Âm nhạc						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	41.0%	40.1%	39.5%	41.4%	43.7%	40.8%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	59.0%	59.9%	60.5%	58.6%	56.3%	59.2%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%



i	Mĩ thuật						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	45.3%	44.4%	43.4%	45.7%	47.2%	46.3%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	54.7%	55.6%	56.6%	54.3%	52.8%	53.7%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
k	Thủ công/Kỹ thuật						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	69.4%	71.3%	72.0%	60.2%	79.9%	63.4%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	30.6%	28.7%	28.0%	39.8%	20.1%	36.6%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
l	Thể dục						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	39.8%	38.0%	38.2%	42.6%	43.3%	38.2%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	60.2%	62.0%	61.8%	57.4%	56.7%	61.8%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
m	Ngoại ngữ						
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	66.8%			64.8%	68.9%	66.7%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	33.2%			35.2%	31.1%	33.3%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%			0.0%	0.0%	0.0%
n	Tin học						
	Hoàn thành tốt (Tỉ lệ so với TS)	56.2%			48.8%	46.5%	70.2%
	Hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	43.8%			51.2%	53.5%	29.8%
	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với TS)	0.0%			0.0%	0.0%	0.0%
2	<i>Các năng lực</i>						
a	Tự phục vụ, tự quản						
	Tốt (Tỉ lệ so với TS)	87.4%	81.0%	83.2%	86.3%	94.5%	93.5%
	Đạt (Tỉ lệ so với TS)	12.6%	19.0%	16.8%	13.7%	5.5%	6.5%
	Cần cố gắng (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
b	Hợp tác						
	Tốt (Tỉ lệ so với TS)	84.4%	70.5%	83.6%	84.8%	93.7%	92.9%
	Đạt (Tỉ lệ so với TS)	15.6%	29.5%	16.4%	15.2%	6.3%	7.7%
	Cần cố gắng (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
c	Tự học và giải quyết vấn đề						
	Tốt (Tỉ lệ so với TS)	47.7%	58.8%	53.0%	39.8%	43.7%	40.1%
	Đạt (Tỉ lệ so với TS)	52.3%	41.2%	47.0%	60.2%	56.3%	59.9%
	Cần cố gắng (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
2	<i>Các phẩm chất</i>						
a	Chăm học, chăm làm						
	Tốt (Tỉ lệ so với TS)	57.8%	62.6%	50.7%	60.5%	56.3%	58.6%
	Đạt (Tỉ lệ so với TS)	42.2%	37.4%	49.3%	39.5%	43.7%	41.4%
	Cần cố gắng (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
b	Tự tin, trách nhiệm						
	Tốt (Tỉ lệ so với TS)	78.4%	67.3%	73.7%	69.9%	88.6%	93.9%
	Đạt (Tỉ lệ so với TS)	21.6%	32.7%	26.3%	30.1%	11.4%	6.1%
	Cần cố gắng (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
c	Trung thực, kỷ luật						
	Tốt (Tỉ lệ so với TS)	87.6%	81.0%	84.9%	87.1%	91.3%	95.1%
	Đạt (Tỉ lệ so với TS)	12.4%	19.0%	15.1%	12.9%	8.7%	4.9%

	Cần cố gắng (Tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
d	Đoàn kết, yêu thương						
	Tốt (Tỉ lệ so với TS)	96.7%	93.3%	99.3%	98.0%	98.0%	95.5%
	Đạt (Tỉ lệ so với TS)	3.3%	6.7%	0.7%	2.0%	2.0%	4.5%
	Cần cố gắng (tỉ lệ so với TS)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

Long Biên, ngày 24 tháng 5 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Hạnh

